



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-478 (25.1976)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt tại bể nhà V |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trường Đại học Thương Mại |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/10/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Nguyễn Lương Sỹ |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/10/2025 – 27/10/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-478	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-479 (25.1976)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại bể nhà F
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-479	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-480 (25.1976)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt tại bể nhà G
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-480	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLĐ *Đng*

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-481 (25.1976)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại bể nhà P
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-481	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025
GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-482 (25.1976)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại vòi nhà V |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trường Đại học Thương Mại |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/10/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Nguyễn Lương Sỹ |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/10/2025 – 27/10/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-482	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-483 (25.1976)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại vòi nhà U
- Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-483	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-484 (25.1976)

1. Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại vòi nhà KTX
2. Loại mẫu/ Sample type : Nước sạch
3. Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
5. Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường
6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
9. Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-484	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QMTT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-485 (25.1976)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước sinh hoạt lấy tại vòi nhà P |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước sạch |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trường Đại học Thương Mại |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 2 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/10/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Nguyễn Lương Sỹ |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/10/2025 – 27/10/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 01- 1:2024/BYT
				W2510-485	Ngưỡng giới hạn cho phép
1	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
2	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/100 mL	KPH	<1
3	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa)(*)	TCVN 8881:2011	CFU/ 100mL	KPH	<1
4	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus)(*)	SMEWW 9213B:2023	CFU/ 100mL	KPH	<1

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 01-1:2024/BYT: QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA VỀ CHẤT LƯỢNG NƯỚC SẠCH SỬ DỤNG CHO MỤC ĐÍCH SINH HOẠT;

(1): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt ;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-475 (25.1976)

1. Tên mẫu/ Name of sample

2. Loại mẫu/ Sample type

3. Tên khách hàng/ Name of customer

4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer

5. Mô tả mẫu/ Description

6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving

7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking

8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time

9. Kết quả thử nghiệm/ Test results
- : Mẫu nước uống uống trực tiếp tại tầng 10 nhà P

: Nước uống đóng chai

: Trường Đại học Thương Mại

: 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội

: Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 5 lít ở điều kiện thường

: 15/10/2025

: Nguyễn Lương Sỹ

: 15/10/2025 – 27/10/2025

:

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6- 1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-475	Giới hạn tối đa
1	Stibi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
2	Arsen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
3	Bari(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,007)	0,7
4	Bor(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,5
5	Bromat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,0025	0,01
6	Cadimi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
7	Clor(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	5
8	Clorat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
9	Clorit(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
10	Crom(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
11	Đồng(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2
12	Cyanid(**)	SMEWW4500CN-A,B,C,E:2023	mg/L	<0,004	0,07
13	Fluorid(*)	SMEWW 4500-F- D: 2023	mg/L	0,234	1,5
14	Chì(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
15	Mangan(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,4
16	Thủy ngân(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,006
17	Molybden(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,07
18	Nickel(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
19	Nitrat, tính theo ion nitrat(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	<0,5	50
20	Nitrit, tính theo ion nitrit(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,01)	3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-475	Giới hạn tối đa
21	Selen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
22	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
23	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
24	Pseudomonas aeruginosa(*)	TCVN 8881:2011	CFU/250mL	KPH	0
25	Streptococci faecal(*)	TCVN 6189-2:2009	CFU/250mL	KPH	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	CFU/50mL	KPH	0

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai): Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và Nước uống đóng chai;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-476 (25.1976)

- Tên mẫu/ Name of sample : Mẫu nước uống trực tiếp lấy tại tầng 2 nhà G
- Loại mẫu/ Sample type : Nước uống đóng chai
- Tên khách hàng/ Name of customer : Trường Đại học Thương Mại
- Địa chỉ khách hàng/ Address of customer : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội
- Mô tả mẫu/ Description : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 5 lít ở điều kiện thường
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 15/10/2025
- Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking : Nguyễn Lương Sỹ
- Thời gian thử nghiệm/ Testing time : 15/10/2025 – 27/10/2025
- Kết quả thử nghiệm/ Test results :

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QC&N 6- 1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-476	Giới hạn tối đa
1	Stibi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
2	Arsen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
3	Bari(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,007)	0,7
4	Bor(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,5
5	Bromat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,0025	0,01
6	Cadimi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
7	Clor(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	5
8	Clorat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
9	Clorit(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
10	Crom(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
11	Đồng(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2
12	Cyanid(**)	SMEWW4500CN-A,B,C,E:2023	mg/L	<0,004	0,07
13	Fluorid(*)	SMEWW 4500-F- D: 2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	1,5
14	Chì(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
15	Mangan(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,4
16	Thủy ngân(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,006
17	Molybden(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,07
18	Nickel(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
19	Nitrat, tính theo ion nitrat(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,8	50
20	Nitrit, tính theo ion nitrit(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,01)	3

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-476	Giới hạn tối đa
21	Selen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
22	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
23	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
24	Pseudomonas aeruginosa(*)	TCVN 8881:2011	CFU/250mL	KPH	0
25	Streptococci faecal(*)	TCVN 6189-2:2009	CFU/250mL	KPH	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	TCVN 6191-2:1996	CFU/50mL	KPH	0

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai): Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và Nước uống đóng chai;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLĐ

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM

TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

Số/No: W2510-477 (25.1976)

- | | |
|--|--|
| 1. Tên mẫu/ Name of sample | : Mẫu nước uống trực tiếp lấy tại tầng 3 nhà V |
| 2. Loại mẫu/ Sample type | : Nước uống đóng chai |
| 3. Tên khách hàng/ Name of customer | : Trường Đại học Thương Mại |
| 4. Địa chỉ khách hàng/ Address of customer | : 79 Hồ Tùng Mậu, phường Mai Dịch, TP. Hà Nội |
| 5. Mô tả mẫu/ Description | : Mẫu đựng trong 1 can nhựa trắng 5 lít ở điều kiện thường |
| 6. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving | : 15/10/2025 |
| 7. Người lấy/gửi mẫu/ Sample taking | : Nguyễn Lương Sỹ |
| 8. Thời gian thử nghiệm/ Testing time | : 15/10/2025 – 27/10/2025 |
| 9. Kết quả thử nghiệm/ Test results | : |

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 8:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-477	Giới hạn tối đa
1	Stibi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,02
2	Arsen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
3	Bari(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,007)	0,7
4	Bor(*)	TCVN 6635:2000	mg/L	KPH (LOD=0,07)	0,5
5	Bromat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,0025	0,01
6	Cadimi(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,00003)	0,003
7	Clor(*)	SMEWW 4500-Cl-G:2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	5
8	Clorat(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
9	Clorit(**)	US EPA 300.1:1993	mg/L	<0,075	0,7
10	Crom(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,05
11	Đồng(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,03)	2
12	Cyanid(**)	SMEWW4500CN-A,B,C,E:2023	mg/L	<0,004	0,07
13	Fluorid(*)	SMEWW 4500-F- D: 2023	mg/L	KPH (LOD=0,07)	1,5
14	Chì(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
15	Mangan(*)	SMEWW 3111B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,015)	0,4
16	Thủy ngân(*)	TCVN 7877:2008	mg/L	KPH (LOD=0,00015)	0,006
17	Molybden(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,07
18	Nickel(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0015)	0,07
19	Nitrat, tính theo ion nitrat(*)	TCVN 6180:1996	mg/L	2,1	50
20	Nitrit, tính theo ion nitrit(*)	TCVN 6178:1996	mg/L	KPH (LOD=0,01)	3

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
2. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
3. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.



BỘ Y TẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y TẾ CÔNG CỘNG
TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM
LABORATORY CENTER



VILAS 1008

Địa chỉ: Số 1A, đường Đức Thắng, phường Đông Ngạc, thành phố Hà Nội
Address: No.1A, Duc Thang Street, Dong Ngac Ward, Ha Noi City
Phone: (+84) 332592223; Hotline: (+84) 962958209 Website: <https://huphlab.vn/>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

TT No	Tên chỉ tiêu Characteristic	Phương pháp thử Test method	Đơn vị Unit	Kết quả Result	QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai)
				W2510-477	Giới hạn tối đa
21	Selen(*)	SMEWW 3113B:2023	mg/L	KPH (LOD=0,0006)	0,01
22	Coliform tổng số(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
23	E. coli(*)	TCVN 6187-1:2019	CFU/250mL	KPH	0
24	Pseudomonas aeruginosa(*)	TCVN 8881:2011	CFU/250mL	KPH	0
25	Streptococci faecal(*)	TCVN 6189-2:2009	CFU/250mL	KPH	0
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfat	TCVN 6191-2:1996	CFU/50mL	KPH	0

Ghi chú:

Mẫu do khách hàng gửi đến;

QCVN 6-1:2010/BYT (Nước uống đóng chai): Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và Nước uống đóng chai;

KPH: Đối với các chỉ tiêu Hóa: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp; Đối với các chỉ tiêu Sinh:

Không phát hiện là không có khuẩn lạc nào mọc trên đĩa môi trường nuôi cấy;

Các chỉ tiêu đánh dấu (*) là chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017;

Các chỉ tiêu đánh dấu (**) là chỉ tiêu được thực hiện bởi thầu phụ.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG DỊCH VỤ NƯỚC, QTMT&MTLD

Ths. Vũ Thị Cúc

Hà Nội, ngày 27 tháng 10 năm 2025

GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM XÉT NGHIỆM



TS. Đặng Thế Hưng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm/ Test results are valid for the submitted sample(s) only.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm xét nghiệm thuộc Trường Đại học Y tế công cộng/ The test report must not be reproduced without the written approval of Laboratory Center of HUPH.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/ Name of sample(s) and customer are written as customer's request.